

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ : Lô II-1, II-2, II-3, Khu C mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc

Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (067) 3764 159

Fax : (067) 3763 488

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 1 NĂM 2013

THÁNG 04 NĂM 2013

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán	2 – 5
3. Kết quả hoạt động kinh doanh	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 – 8
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/03/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		937,900,454,285	1,023,657,854,531
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36,031,690,112	203,211,766,541
1. Tiền	111		36,031,690,112	51,911,766,541
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	151,300,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		549,588,758,588	430,980,682,127
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	369,548,453,740	401,089,421,243
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	163,453,942,023	18,504,717,584
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	18,880,743,045	13,680,923,520
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.2	(2,294,380,220)	(2,294,380,220)
IV. Hàng tồn kho	140		350,889,526,152	381,122,302,990
1. Hàng tồn kho	141	V.5	350,889,526,152	381,122,302,990
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,390,479,433	8,343,102,873
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1,061,049,433	1,288,366,185
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	7,054,736,688
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		329,430,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/03/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		244,961,101,619	255,224,510,237
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		234,697,058,774	242,927,952,562
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	233,381,654,043	241,594,162,493
<i>Nguyên giá</i>	222		346,094,826,871	346,100,275,962
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(112,713,172,828)	(104,506,113,469)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1,138,295,705	1,167,880,979
<i>Nguyên giá</i>	228		1,691,468,775	1,691,468,775
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(553,173,070)	(523,587,796)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	177,109,026	165,909,090
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		10,264,042,845	12,296,557,675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	7,917,623,242	8,184,063,067
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	2,346,419,603	4,112,494,608
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,182,861,555,904	1,278,882,364,768

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/03/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		530,204,397,700	662,581,309,457
I. Nợ ngắn hạn	310		528,458,835,682	660,820,047,439
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	375,523,824,992	460,171,424,147
2. Phải trả người bán	312	V.13	106,947,533,525	120,706,850,152
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	1,054,543,792	512,566,185
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	3,271,119,949	13,999,799,984
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.16	28,910,330,866	59,858,472,773
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	8,191,550,385	571,102,025
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	4,559,932,173	4,999,832,173
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,745,562,018	1,761,262,018
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.17	1,745,562,018	1,761,262,018
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		652,657,158,204	616,301,055,311
I. Vốn chủ sở hữu	410		652,657,158,204	616,301,055,311
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	210,255,090,000	210,255,090,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	100,870,000,000	100,870,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	24,874,229,495	24,874,229,495
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.19	29,451,811,059	29,451,811,059
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	287,206,027,650	250,849,924,757
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,182,861,555,904	1,278,882,364,768

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/03/2013

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		11,070.40	11,241.73
Euro (EUR)		223.96	223.90
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

22 tháng 04 năm 2013

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 Khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/03/2013

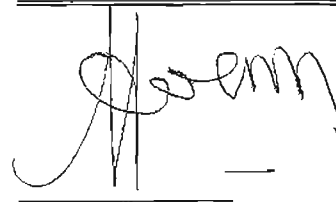
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.084.923.812.228	825.763.862.347	1.084.923.812.228	825.763.862.347
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	28.741.595.423	19.036.669.571	28.741.595.423	19.036.669.571
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.056.182.216.805	806.727.192.776	1.056.182.216.805	806.727.192.776
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	999.913.606.371	751.333.437.252	999.913.606.371	751.333.437.252
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.268.610.434	55.393.755.524	56.268.610.434	55.393.755.524
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	665.206.305	1.282.463.208	665.206.305	1.282.463.208
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.005.296.298	8.011.150.684	8.005.296.298	8.011.150.684
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.859.103.509	7.203.097.219	7.859.103.509	7.203.097.219
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.192.003.453	3.370.524.046	4.192.003.453	3.370.524.046
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4.388.482.909	3.485.732.270	4.388.482.909	3.485.732.270
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.348.034.079	41.808.811.732	40.348.034.079	41.808.811.732
11. Thu nhập khác	31	VI.7	908.964.316	751.360.896	908.964.316	751.360.896
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	1.209.178	-	1.209.178
13. Lợi nhuận khác	40		908.964.316	750.151.718	908.964.316	750.151.718
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.256.998.395	42.558.963.450	41.256.998.395	42.558.963.450
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	1.540.820.497	2.315.794.092	1.540.820.497	2.315.794.092
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.766.075.005	1.019.396.982	1.766.075.005	1.019.396.982
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.950.102.893	39.223.772.376	37.950.102.893	39.223.772.376
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19	1.805	2.176	1.805	2.176



Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu



Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng

SA ĐÉC, ngày 22 tháng 04 năm 2013



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
 Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/03/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.256.998.395	42.558.963.450
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7, 8	8.236.644.633	6.735.127.402
- Các khoản dự phòng	03	V.2	-	151.386.878
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(345.788.888)	(1.142.763.891)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.859.103.509	7.203.097.219
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.006.957.649	55.505.811.058
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(112.317.645.329)	(87.090.395.895)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		30.232.776.838	(29.424.563.323)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(48.580.883.729)	118.559.666.631
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		493.756.577	(730.367.354)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.745.478.681)	(7.757.105.708)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(740.474.198)	(11.684.038.028)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	13.414.909.160
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	VII.2	(2.227.730.000)	(14.567.346.881)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(82.878.720.873)	36.226.569.660
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(628.250.845)	(39.757.334.343)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	974.494.444	1.142.763.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		346.243.599	(38.614.570.452)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/03/2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12	467.656.377.138	193.045.612.225
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.12	(552.303.976.293)	(301.286.510.742)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(84.647.599.155)</i>	<i>(108.240.898.517)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(167.180.076.429)</i>	<i>(110.628.899.309)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	203.211.766.541	140.425.369.404
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	36.031.690.112	29.796.470.095

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiến
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, gia súc.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 Công ty có 623 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 621 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Vào ngày 27 tháng 02 năm 2013 Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 05/GCN-UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp, với số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông là 10.512.754 cổ phiếu, với giá chào bán là 20.0000 đồng /cổ phiếu. Phân phối theo hình thức đại lý phát hành, và với tỷ lệ phân phối là 2:1

Số tiền thu được từ việc chào bán này sẽ bổ sung vốn lưu động theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2012/NQ- ĐHĐCĐ thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2012.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	2 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Bản quyền chương trình tổ hợp khâu phân

Nguyên giá của bản quyền là toàn bộ chi phí bỏ ra để có bản quyền chương trình tổ hợp khâu phân. Bản quyền chương trình tổ hợp khâu phân được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Chi phí phải trả bao gồm cả khoản trích trước chiết khấu, hoa hồng bán hàng sẽ được giảm trừ trên hóa đơn cho số lượng hàng hóa đã tiêu thụ hoặc chi bằng tiền mặt.

12. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

14. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

- **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.828 VND/USD
27.632 VND/EUR
31/03/2013 : 20.828 VND/USD
27.632 VND/EUR

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu giá công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

21. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	655.441.830	775.967.994
Tiền gửi ngân hàng	35.376.248.282	51.135.798.547
Các khoản tương đương tiền	-	151.300.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	<u>36.031.690.112</u>	<u>203.211.766.541</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bên thứ ba	319.734.465.939	348.698.957.054
Các bên liên quan	49.813.987.801	52.390.464.189
Cộng	<u>369.548.453.740</u>	<u>401.089.421.243</u>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	<u>(2.294.380.220)</u>	<u>(2.294.380.220)</u>
Giá trị thuần	<u>367.254.073.520</u>	<u>398.795.041.023</u>

Như được trình bày trong thuyết minh số V.12, Công ty đã thế chấp khoản phải thu để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trả trước mua nguyên vật liệu	151.336.238.877	4.200.624.750
Trả trước mua tài sản cố định	11.358.110.271	14.061.017.834
Khác	759.592.875	243.075.000
Cộng	<u>163.453.942.023</u>	<u>18.504.717.584</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	18.761.226.023	12.810.466.860
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	-	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	628.705.556
Cho mượn tạm nguyên liệu	-	-
Phải thu khác	119.517.022	241.751.104
Cộng	<u>18.880.743.045</u>	<u>13.680.923.520</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi trên đường	19.109.844.129	34.703.628.643
Nguyên liệu, vật liệu	299.600.711.281	295.965.000.639
Thành phẩm	32.178.970.742	50.453.673.708
Cộng	<u>350.889.526.152</u>	<u>381.122.302.990</u>

Như được trình bày trong Thuyết minh số V.12, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí bảo hiểm	130.753.644	259.191.679
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	628.292.056	274.165.169
Cộng	<u>1.061.049.433</u>	<u>1.288.366.185</u>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	78.573.081.630	238.490.072.850	25.225.118.709	3.812.002.773	346.100.275.962
Mua sắm mới	486.232.727	-573.500.000	81.818.182	0	-5.449.091
Số cuối kỳ	<u>79.059.314.357</u>	<u>237.916.572.850</u>	<u>25.306.936.891</u>	<u>3.812.002.773</u>	<u>346.094.826.871</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	64.839.307	7.419.096.980	919.886.872	615.678.661	9.019.501.820
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	21.659.951.961	70.977.801.562	9.654.593.362	2.213.766.584	104.506.113.469
Khấu hao trong kỳ	1.325.018.245	6.104.378.174	660.880.824	116.782.116	8.207.059.359
Số cuối kỳ	<u>22.984.970.206</u>	<u>77.082.179.736</u>	<u>10.315.474.186</u>	<u>2.330.548.700</u>	<u>112.713.172.828</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	56.913.129.669	167.512.271.288	15.570.525.347	1.598.236.189	241.594.162.493
Số cuối kỳ	<u>56.074.344.151</u>	<u>160.834.393.114</u>	<u>14.991.462.705</u>	<u>1.481.454.073</u>	<u>233.381.654.043</u>

Như đã trình bày trong thuyết minh số V.12, Công ty đã thế chấp máy móc và thiết bị để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm quản lý tổng thể	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	954.750.000	390.522.000	346.196.775	1.691.468.775
Số cuối kỳ	954.750.000	390.522.000	346.196.775	1.691.468.775
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	185.250.000	185.250.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	-	298.101.100	225.486.696	523.587.796
Khấu hao trong kỳ	-	19.526.100	10.059.174	29.585.274
Số cuối kỳ	-	317.627.200	235.545.870	553.173.070
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	954.750.000	92.420.900	120.710.079	1.167.880.979
Số cuối kỳ	954.750.000	72.894.800	110.650.905	1.138.295.705

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công trình nhà kho nguyên liệu Lai Vung	177.109.026	165.909.090
Cộng	177.109.026	165.909.090

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quyền sử dụng đất	7.027.235.937	7.069.825.245
Công cụ, dụng cụ	890.387.305	1.114.237.822
Cộng	7.917.623.242	8.184.063.067

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Số đầu kỳ	4.112.494.608	2.766.175.568
Số phát sinh	(1.766.075.005)	(1.019.396.982)
Số cuối kỳ	2.346.419.603	1.746.778.586

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	375.523.824.992	460.171.424.147
Cộng	<u>375.523.824.992</u>	<u>460.171.424.147</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	460.171.424.147	467.656.377.138	552.303.976.293	375.523.824.992
Cộng	<u>460.171.424.147</u>	<u>467.656.377.138</u>	<u>552.303.976.293</u>	<u>375.523.824.992</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ VNĐ</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An	162.452.500.000	4 tháng kể từ ngày giải ngân	9,50% /năm	Nhà máy sản xuất thức ăn và quyền sử dụng đất tại Lô II-1, II-2, II-3, Khu Công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp và tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam	30.515.940.000	4 tháng kể từ ngày giải ngân	9,00% /năm	Các khoản phải thu và hàng tồn kho với tổng giá trị tương đương với tổng dư nợ gốc và lãi, tối đa là 60.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	138.565.139.566	3 tháng kể từ ngày giải ngân	Từ 7,70% đến 7,80% /năm	Hàng luân chuyển trong kho tại Chi nhánh Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	43.990.245.426	3 tháng kể từ ngày giải ngân	7,80% /năm	Quyền ưu tiên thứ nhất các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị còn lại tối thiểu tương đương với số tiền gốc chưa được thanh toán
TỔNG CỘNG	375.523.824.992			

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các bên liên quan	10.521.055.230	51.260.588.339
Bên thứ ba	96.426.478.295	69.446.261.813
Cộng	<u>106.947.533.525</u>	<u>120.706.850.152</u>

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bên liên quan	16.207.654	-
Bên thứ ba	1.038.336.138	512.566.185
Cộng	<u>1.054.543.792</u>	<u>512.566.185</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	-	7.469.130	-	7.469.130
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12.810.466.860	2.609.249.424	14.066.695.194	1.353.021.090
Thuế xuất, nhập khẩu	0	659.213.140	368.790.565	290.422.575
Thuế thu nhập doanh nghiệp	740.474.198	1.540.820.497	740.474.198	1.540.820.497
Thuế thu nhập cá nhân	448.858.926	456.499.540	825.971.809	79.386.657
Các loại thuế khác	-	8.248.000	8.248.000	-
Cộng	<u>13.999.799.984</u>	<u>4.854.734.086</u>	<u>16.010.179.766</u>	<u>3.271.119.949</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	5%
Thanh lý tài sản, bao bì phế liệu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 08/UB-UĐĐT ngày 21 tháng 3 năm 2003, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 12/UB-UĐĐT ngày 16 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/UBĐT/UBND ngày 11 tháng 7 năm 2005.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo các giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 3 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2004 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ dự án đầu tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.256.998.395	42.558.963.450
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(22.833.641.831)	(13.434.884.312)
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	18.423.356.564	29.124.079.138
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	17.514.392.248	28.372.718.242
- Thu nhập khác	908.964.316	751.360.896
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.605.839.141	7.281.019.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.751.439.225)	(2.837.271.825)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.313.579.419)	(2.127.953.868)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.540.820.497</u>	<u>2.315.794.092</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí hoa hồng, khuyến mãi, hỗ trợ	372.913.431	785.049.264
Chiết khấu thương mại, giảm giá	26.872.739.023	49.992.569.925
Chi phí lãi vay phải trả	1.472.178.412	358.553.584
Chi phí phải trả khác	192.500.000	302.800.000
Cộng	<u>28.910.330.866</u>	<u>51.438.972.773</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm xã hội	461.372.300	610.000
Cổ tức phải trả	30.000.000	30.000.000
Trợ cấp thôi việc	1.745.562.018	1.761.262.018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả khác	7.700.178.085	8.959.992.025
Cộng	<u>9.937.112.403</u>	<u>10.751.864.043</u>
18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.629.391.583	4.066.791.583
Quỹ phúc lợi	930.540.590	933.040.590
Cộng	<u>4.559.932.173</u>	<u>4.999.832.173</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng đầu tư tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012						
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2012	180.255.090.000	71.000.000.000	7.402.234.510	11.979.816.074	177.251.356.610	447.888.497.194
Lợi nhuận trong kỳ					39.223.772.376	39.223.772.376
Thù lao cho thành viên HĐQT					(297.000.000)	(297.000.000)
Tăng (giảm) khác					(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2012	180.255.090.000	71.000.000.000	7.402.234.510	11.979.816.074	216.178.128.986	481.815.269.570
Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013						
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2013	210.255.090.000	100.870.000.000	24.874.229.495	29.451.811.059	250.849.924.757	616.301.055.311
Lợi nhuận trong kỳ					37.950.102.893	37.950.102.893
Thù lao cho thành viên HĐQT					(594.000.000)	(594.000.000)
Tăng (giảm) khác					(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2013	210.255.090.000	100.870.000.000	24.874.229.495	29.451.811.059	287.206.027.650	652.657.158.204

Vào ngày 12 tháng 04 năm 2013, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012, tỷ lệ phân phối cổ tức được xác định sau khi đã hoàn thành đợt đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông. Phương án phân phối cổ tức như sau:

- Chi cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10% vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 3:1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn cổ phần VNĐ	% sở hữu	Vốn cổ phần VNĐ	% sở hữu
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	-	0%	56.300.000.000	27%
Công ty Cổ phần Hùng Vương	116.300.000.000	55%	60.000.000.000	28%
Các cổ đông khác	93.955.090.000	45%	93.955.090.000	45%
Tổng cộng	210.255.090.000	100%	210.255.090.000	100%

Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 03 năm 2013		Ngày 31 tháng 03 năm 2012	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Cổ phiếu được phép phát hành	21.025.509	210.255.090.000	18.025.509	180.255.090.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	21.025.509	210.255.090.000	18.025.509	180.255.090.000
Cổ phiếu phổ thông	21.025.509	210.255.090.000	18.025.509	180.255.090.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.950.102.892	39.223.772.376
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.950.102.893	39.223.772.376
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	21.025.509	18.025.509
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.805	2.176

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Tổng doanh thu bán thành phẩm	1.084.923.812.228	825.763.862.347
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(28.741.595.423)	(19.036.669.571)
- Chiết khấu thương mại	(21.155.820.693)	(19.036.669.571)
- Giảm giá hàng bán	(7.585.774.730)	-
Doanh thu thuần bán thành phẩm	<u>1.056.182.216.805</u>	<u>806.727.192.776</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	999.913.606.371	751.333.437.252
Giá vốn bán nguyên vật liệu	-	-
Cộng	<u>999.913.606.371</u>	<u>751.333.437.252</u>

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	934.669.326.338	646.642.542.395
Chi nhân công trực tiếp	5.968.998.467	4.908.276.325
Chi phí sản xuất chung	41.000.578.600	34.179.249.409
Tổng chi phí sản xuất	<u>981.638.903.405</u>	<u>685.730.068.129</u>
Tổng giá thành sản xuất	981.638.903.405	685.730.068.129
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	18.274.702.966	65.603.369.123
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	<u>999.913.606.371</u>	<u>751.333.437.252</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	345.788.888	1.142.763.891
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	319.417.417	137.640.511
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.058.806
Cộng	<u>665.206.305</u>	<u>1.282.463.208</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Chi phí lãi vay	7.859.103.509	7.203.097.219
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	146.192.789	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	808.053.465
Cộng	<u>8.005.296.298</u>	<u>8.011.150.684</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Chi phí cho nhân viên	1.316.731.710	1.164.160.596
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	19.624.090	8.513.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	118.613.934	129.310.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.729.732.322	1.212.815.279
Chi phí hoa hồng, môi giới bán hàng	350.003.929	385.763.561
Chi phí khác	657.297.468	469.960.809
Cộng	<u>4.192.003.453</u>	<u>3.370.524.046</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Chi phí cho nhân viên	1.853.559.575	1.707.525.021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	51.494.548	67.038.289
Chi phí đồ dùng văn phòng	68.475.742	132.944.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	336.807.441	342.416.973
Thuế, phí và lệ phí	4.590.000	4.522.000
Chi phí dự phòng	-	151.386.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.001.298.138	629.169.358
Chi phí khác	1.072.257.465	450.729.190
Cộng	<u>4.388.482.909</u>	<u>3.485.732.270</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Thu bán phế liệu	908.964.316	751.104.729
Thu nhập khác	-	256.167
Cộng	<u>908.964.316</u>	<u>751.360.896</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	882.159
Xử lý công nợ không thu hồi	-	327.019
Cộng	<u>-</u>	<u>1.209.178</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	961.135.031.752	668.289.089.807
Chi phí nhân công	12.845.471.874	10.992.816.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.236.644.633	6.735.127.402

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.871.890.774	5.334.310.606
Chi phí khác	2.130.350.734	1.234.979.979
Cộng	<u>990.219.389.767</u>	<u>692.586.324.445</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Thu tiền ký quỹ mở L/C nhập khẩu	-	13.414.909.160
Cộng	-	<u>13.414.909.160</u>

2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Chi tiền ký quỹ mở L/C nhập khẩu	-	9.076.516.881
Chi tiền ký quỹ thuê kho	193.830.000	193.830.000
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	594.000.000	297.000.000
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	439.900.000	-
Chi thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>2.227.730.000</u>	<u>14.567.346.881</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
Tiền lương	671.200.383	669.946.383
Phụ cấp	7.050.000	7.050.000
Tiền thưởng, khác	84.000.000	42.000.000
Cộng	<u>762.250.383</u>	<u>718.996.383</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ bao gồm:

VNĐ			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	Số tiền
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn cá	138.097.611.405
DNTN Việt Tiến	Sở hữu bởi Ông Mã Minh Quang, thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT")	Bán thức ăn cá Mua nguyên vật liệu	284.995.281 27.639.452.091
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn cá Mua nguyên vật liệu	5.238.914.713 49.155.476.700
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	7.256.793.060
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Bên liên quan	Bán thức ăn cá Mua nguyên vật liệu	93.550.482.110 182.917.956.406
Công ty cổ phần Hóa Chất Phúc Lâm	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	1.044.624.000
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu Cung cấp dịch vụ gia công	3.751.923.088 1.458.540.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản phải thu (phải trả) bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu (Phải trả)</i>
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn cá	25.037.791.350
DNTN Việt Tiến	Sở hữu bởi Ông Mã Minh Quang, thành viên	Bán thức ăn cá	117.370.045

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Hội đồng quản trị ("HDQT")		
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Bên liên quan	Bán thức ăn cá	24.658.826.406	
TỔNG CỘNG			49.813.987.801	
<i>Ứng trước người bán</i>				
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Bên liên quan	Ứng trước mua nguyên vật liệu	151.029.311.500	
<i>Phải trả người bán</i>				
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	10.521.055.230	
<i>Người mua trả tiền trước</i>				
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn cá	16.207.654	

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, nợ và tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các nghĩa vụ nợ ngắn hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho các kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì đa phần các khoản vay trong giai đoạn này có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số II.2. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 03 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

		VNĐ	
	<i>Tổng cộng</i>	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm</i>	<i>Quá hạn và không bị suy giảm</i>
31 tháng 03 năm 2013	388.429.196.785	383.963.233.493	4.465.963.292
31 tháng 12 năm 2012	414.770.344.763	410.304.381.471	4.465.963.292

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>VNĐ</i>		
	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
31 tháng 03 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	375.523.824.992	-	375.523.824.992
Phải trả người bán	106.947.533.525	-	106.947.533.525
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	37.101.881.251	-	37.101.881.251
	<u>519.573.239.768</u>	<u>-</u>	<u>519.573.239.768</u>
31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	460.171.424.147	-	460.171.424.147
Phải trả người bán	120.706.850.152	-	120.706.850.152
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	60.429.574.798	-	60.429.574.798
	<u>641.307.849.097</u>	<u>-</u>	<u>641.307.849.097</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần khoản phải thu, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện truyền dẫn và thiết bị văn phòng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số V.12*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 03 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				VNĐ	
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
- Tiền gửi ngắn hạn	-	-	-	-	-	4.200.000.000
Các khoản cho vay và phải thu						
- Phải thu khách hàng	369.548.453.740	(2.294.380.220)	401.089.421.243	(2.294.380.220)	367.254.073.520	182.318.916.446
- Phải thu khác	18.880.743.045	-	13.680.923.520	-	18.880.743.045	11.947.834.594
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán						
- Tiền và tương đương tiền	36.031.690.112	-	203.211.766.541	-	36.031.690.112	140.425.369.404
TỔNG CỘNG	424.460.886.897	(2.294.380.220)	617.982.111.304	(2.294.380.220)	422.166.506.677	338.892.120.444
Nợ phải trả tài chính						
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ						
- Vay và nợ	375.523.824.992	-	460.171.424.147	-	375.523.824.992	460.171.424.147
- Phải trả người bán	106.947.533.525	-	120.706.850.152	-	106.947.533.525	120.706.850.152
- Phải trả khác	37.101.881.251	-	60.429.574.798	-	37.101.881.251	60.429.574.798
TỔNG CỘNG	519.573.239.768	-	641.307.849.097	-	519.573.239.768	641.307.849.097

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

4. Thuê hoạt động

Cam kết hoạt động

Công ty thuê đất và thuê lại nhà xưởng đối với các diện tích đang sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Từ 1 năm trở xuống	1.312.893.256	1.918.634.463
Trên 1 năm đến 5 năm	4.119.278.528	4.119.278.528
Trên 5 năm	26.009.636.443	27.296.910.983
Cộng	31.441.808.227	33.334.823.974

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiến
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 04 năm 2013